

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 12/2019/HS-ST

Ngày: 30-8-2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ánh và ông Nguyễn Ngọc Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/HSST ngày 02 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong đối với các bị cáo:

Lê Văn L, tên khác: Oạc, sinh ngày 10/9/1996, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Con ông: Lê Văn T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị L, sinh năm 1966, đều trú tại: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Tháng 02 năm 2017, đi nghĩa vụ quân sự tại Sư Đoàn 968 - Quân khu 4, đến tháng 01 năm 2019 hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương sinh sống. Ngày 22/12/2018, được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam tại Sư Đoàn 968, là đảng viên dự bị hiện đang sinh hoạt tại chi bộ 4 thuộc Đảng bộ thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngày 16/8/2019, bị Ủy ban kiểm tra Huyện ủy, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị ra quyết định số 75/QĐ-UBKTHU đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Lê Văn L.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” từ ngày 20/5/2019. Ngày 29/6/2019, Lê Văn L bị Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh tạm giữ hình sự và đến ngày 04/7/2019 thì chuyển tạm giam trong một vụ án khác, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh - Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Hữu N, tên khác: Ry, sinh ngày 17/5/2001, tại tỉnh Quảng Trị; Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Con ông Nguyễn H, sinh năm 1973 và bà Võ Thị Thu T, sinh năm

1978 đều trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị;
Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/3/2019 đến ngày 04/4/2019 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Quang B, sinh năm 1999; nơi cư trú: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

- **Người làm chứng:** Cháu Bùi Duy Hải H, sinh ngày 05/9/2001; nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt có lý do.

Người đại diện hợp pháp của cháu Bùi Duy Hải H là ông Bùi Duy H, sinh năm 1966; trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (là bố của cháu Hà) - Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 29/3/2019, Lê Văn L và Nguyễn Hữu N cùng nhau chơi game tại quán Internet 68 thuộc tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thì L nảy sinh ý định mua ma túy về để sử dụng. L đến hỏi N “*có chỗ nào lấy hàng không? lấy về chơi*”. L nói như vậy Nghĩa hiểu là mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Khi nghe L nói như vậy thì N đồng ý nên L đưa cho N 1.000.000 đồng để mua ma túy. N dùng mạng xã hội Facebook messenger nhắn tin cho Phan Văn C, sinh năm 1991, có messenger tên “Cuongkarjphan Phan” hỏi mua ma túy thì C đồng ý và hẹn ra công viên ở tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong để giao dịch. Sau đó, Nghĩa mượn xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển kiểm soát 74C1-107.44 của anh Lê Quang B, sinh năm 1999 (đang chơi game tại quán) để đi lấy ma túy. N điều khiển xe đến công viên gặp Phan Văn C và N đưa cho C 1.000.000 triệu đồng, rồi theo sự hướng dẫn của C, N đến lấy 02 đoạn ống nhựa bên trong mỗi ống chứa 05 viên ma túy được giấu dưới cục đá gần đó. Khi N chuẩn bị lấy xe mô tô quay về thì bị tổ tuần tra, Công an huyện Triệu Phong phát hiện bắt, thu giữ toàn bộ số ma túy mà N đang cất giữ trong người.

Tại bản kết luận giám định số 330/KLGD-PC09 ngày 03/4/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 10 viên nén màu hồng được niêm phong gửi đến giám định là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng: 1,0316g, là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 323 theo Nghị định 73/2018 ngày 15/5/2018 của Chính phủ, quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 27/7/2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị truy tố Lê Văn L và Nguyễn Hữu N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51

Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo Lê Văn L và Nguyễn Hữu N. Riêng bị cáo Lê Văn L áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Hữu N là người chưa thành niên nên áp dụng thêm Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt Lê Văn L từ 15 đến 18 tháng tù, Nguyễn Hữu N từ 08 tháng đến 11 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt đi thi hành án, bị cáo N được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/3/2019 đến ngày 04/4/2019; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 0,9653 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 áo khoác đã qua sử dụng.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình điều tra, Công an huyện Triệu Phong đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 74C1 107.44 cho ông Lê Quang Bình. Tại phiên tòa hôm nay ông Bình không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do muốn sử dụng ma túy nên Lê Văn L nảy sinh ý định tìm mua ma túy về sử dụng, L không trực tiếp đi mua mà nhờ Nguyễn Hữu N đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Khi được Lộc nhờ thì N đồng ý và tìm người bán ma túy mua về để cùng nhau sử dụng, cụ thể như sau: Khoảng 13 giờ ngày 29/3/2019, L và N đang chơi game tại quán Internet 68 thuộc Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thì L hỏi N “Có chỗ nào lấy hàng không? lấy về chơi”. Khi nghe Lộc nói như vậy, Nghĩa biết là mua ma túy về sử dụng nên N đồng ý và L đưa cho N 1.000.000 đồng để đi mua. N dùng mạng xã hội Facebook messenger nhắn tin cho Phan Văn C có messenger tên “Cuongkarjphan Phan” hỏi mua ma túy, C đồng ý bán ma túy cho N và hẹn N ra công viên ở Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị để giao dịch. Sau khi nhắn tin cho C xong, N mượn xe mô tô biển kiểm soát 74C1 – 107.44 của Lê Quang B là người đang chơi game tại quán 68 để đi lấy ma túy. Khi đến nghĩa trang, N trả tiền cho C và lấy ma túy được giấu dưới một cục đá gần đó theo hướng dẫn của C. Khi Nghĩa chuẩn bị quay về thì bị Tổ tuần tra Công an huyện Triệu Phong phát hiện, kiểm tra và lập biên bản bắt quả tang Nguyễn Hữu N có hành vi cất giấu hai đoạn ống nhựa, bên trong mỗi đoạn ống nhựa có 05 viên nén màu hồng, tổng cộng là mười viên. Theo kết quả giám định số 330/KLGD-PC09 ngày 03/4/2019, của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: 10 viên nén màu hồng được niêm phong gửi đến giám định là chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 1,0316 gam, đây là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 323 theo Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất. Hành vi nêu trên của Nguyễn Hữu N đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thị

trấn Ái Tử nói riêng và huyện Triệu Phong nói chung. Với hành vi và khối lượng ma túy thu giữ được tại người Nguyễn Hữu N vào ngày 29/3/2019, đã có đủ các yếu tố cấu thành tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”** được quy định xử phạt theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn L, tuy không trực tiếp tàng trữ chất ma túy nhưng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự vì: Bị cáo L là người khởi xướng và đưa tiền cho N đi mua ma túy, tại phiên tòa L thừa nhận việc mình đưa tiền cho N đi mua ma túy.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Lê Văn L là người sinh ra và lớn lên tại thị trấn Ái Tử là trung tâm của huyện và đã hoàn thành nghĩa vụ Quân sự năm 2019, được kết nạp Đảng trong Quân đội nhưng không chịu khó rèn luyện tu dưỡng để trở thành một đảng viên tốt mà có lối sống buông thả dẫn đến phạm tội. Lê Văn L biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người nhưng vẫn rủ Nguyễn Hữu N tìm mua ma túy về sử dụng. Đây là vụ án mang tính đồng phạm đơn giản mà Lê Văn L là người khởi xướng còn Nguyễn Hữu N là người thực hiện, vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt cần đánh giá tính chất mức độ của mỗi bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của mỗi bị cáo. Trong vụ án này, Lê Văn L là người khởi xướng rủ Nguyễn Hữu N là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là “xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Hữu N, mặc dù bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhưng khi nghe L rủ thì N đồng ý ngay, là người thực hiện việc mua số ma túy nói trên về để cùng sử dụng với L. Do đó, khi xem xét quyết định hình phạt thì xử phạt Lê Văn L mức án cao hơn Nguyễn Hữu N. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này thì cần xử lý một cách nghiêm khắc đối với các bị cáo mới đảm bảo tính răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Nhưng khi xem xét quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo vì: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra cần xem xét, chiếu cố cho bị cáo Lê Văn L khi quyết định hình phạt vì: Bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ Quân sự vào năm 2019. Đối với bị cáo N, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên cần áp dụng Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với chính sách xử lý người dưới 18 tuổi. Đây là vụ án có đồng phạm nên cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

Sau khi xem xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và quá trình nhân thân của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Cần xử các bị cáo Lê Văn L ngang mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo Nguyễn Hữu N thấp hơn bị cáo L theo quy định tại Điều 101 Bộ luật hình sự và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian là thỏa đáng.

[2] Đối với Phan Văn C là người N khai bán ma túy cho N, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa chứng minh được Cương là người đã bán ma túy cho

Nghĩa nên chưa có cơ sở để xử lý, hiện tại Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh nếu có sẽ xử lý sau.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quang B, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 29/3/2019, ông Lê Quang Bình đã cho bị cáo Nguyễn Hữu N mượn xe mô tô biển kiểm soát 74C1 – 107.44 để đi mua nước uống nhưng N đã sử dụng xe này thực hiện hành vi phạm tội, ông B không biết Nghĩa mượn xe để đi mua ma túy nên không có lỗi, vì vậy cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm của anh B là đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 74C1 – 107.44 cho ông Lê Quang B. Tại phiên tòa hôm nay ông B không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ 1,0316 gam ma túy loại Methamphetamine và 01 áo khoác của Nguyễn Hữu N dùng giấu ma túy, Hội đồng xét xử thấy: Đối với 0,9653 gam ma túy hoàn lại sau khi giám định, đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc áo khoác của bị cáo N, thì thấy rằng: Áo khoác mà Nguyễn Hữu N đang sử dụng là vật gắn liền với hoạt động hằng ngày của con người lẽ ra phải trả lại cho Nguyễn Hữu N nhưng tại phiên tòa Nguyễn Hữu N không nhận lại và đề nghị tịch thu tiêu hủy do không còn giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn L (tên gọi khác: Oạc) và Nguyễn Hữu N (tên gọi khác: Ry) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N

06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 29/3/2019 đến ngày 04/4/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 0,9653 gam ma túy loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 áo khoác.

(Các loại vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, đặc điểm của các loại vật chứng này được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2019 giữa Công an huyện Triệu Phong và Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc Lê Văn L và Nguyễn Hữu N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án trên một cấp để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS tỉnh Quảng Trị;
- VKS, CA huyện Triệu Phong;
- Nhà tạm giữ CA huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hải